

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 627/2025/HS-PT
Ngày 11 tháng 12 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 300/2025/TLPT-HS ngày 08 tháng 10 năm 2025 đối với các bị cáo Bùi Thị Ngọc Y, Nguyễn Đức K do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 202/2025/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Thị Ngọc Y, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1983, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã P, huyện Đ (nay là xã P), tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Viên chức, Kế toán trưởng Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đ1 đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 134-QĐ/UBKTHU ngày 10/6/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ2; con ông Bùi Văn M, sinh năm 1959 và bà Dương Thị Kim C, sinh năm 1963; hoàn cảnh gia đình: Có chồng tên Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1980 và có hai con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 15/12/2022; có mặt.

2. Nguyễn Đức K, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1965, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số B N, Phường F, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Tổ D, Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là xã Đ), tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Viên chức, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đ1 đã bị khai trừ ra khỏi đảng theo Quyết định số 09-QĐ/HU ngày 20/6/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ2; con ông Nguyễn Đức K1, sinh năm 1929 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1931 (đã chết); hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên Bùi Thị N, sinh năm 1964 (đã ly hôn) và có 02 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam: Ngày 01/4/2024; có mặt.

- *Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Bùi Thị Ngọc Y:* Ông Nguyễn Khánh Thanh H1, là Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; có mặt.

- *Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Bùi Thị Ngọc Y:* Ông Huỳnh Anh T1, là Luật sư của Công ty L3 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức K:* Ông Nguyễn Như T2, là Luật sư của Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; có đơn xin vắng mặt.

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Lê Ngọc M1, Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan tới kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ, được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ2, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Đ2, có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc lập kế hoạch tổ chức thực hiện việc thu hồi đất theo kế hoạch sử dụng đất của huyện; lập, tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 14/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ2 tiếp nhận và bổ nhiệm Nguyễn Đức K, nguyên là Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ – Chi nhánh huyện Đ, giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ.

Ngày 16/8/2018, Nguyễn Đức K quyết định phân công Bùi Thị Ngọc Y thực hiện nhiệm vụ phụ trách kế toán của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 01/3/2016. Ngày 24/3/2021, Nguyễn Đức K tiếp tục quyết định phân công Bùi Thị Ngọc Y phụ trách kế toán của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 01/3/2021. Ngày

20/8/2018, Nguyễn Đức K ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn với Lê Ngọc M1 và phân công Muôn làm nhiệm vụ Thủ quỹ.

1. Hành vi tham ô tài sản, giả mạo trong công tác và rửa tiền của Bùi Thị Ngọc Y:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2022, lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Kế toán trưởng, Bùi Thị Ngọc Y đã nhiều lần thực hiện hành vi gian dối, giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn, lập ra hai hệ thống sổ sách kế toán, lập chứng từ chi tiền không đúng với danh sách đối tượng được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt để chiếm đoạt tổng số tiền 46.884.660.400 đồng (thuộc 08 Dự án trên địa bàn huyện Đ) để tiêu xài và sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 28/02/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của chủ tài khoản Nguyễn Đức K trên Giấy rút tiền mặt, lệnh chi số tiền 902.680.000 đồng từ tài khoản 3741 với nội dung: “*Chi bồi thường hỗ trợ Đường vào khu tái định cư Ấ, xã P (đợt B) tại Ấp C, xã P, huyện Đ (QĐ số 1058/QĐ-UBND ngày 11/6/2018) số tiền là 5.600.000 đồng và C bồi thường hỗ trợ Đường vào khu tái định cư Ấ, xã P (đợt B) tại Ấp C, xã P, huyện Đ (QĐ số 1048/QĐ-UBND ngày 11/6/2018) số tiền là 897.080.000 đồng*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ không phát hiện chữ ký của chủ tài khoản là giả nên đã làm Lệnh thanh toán tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng A). Tại đây, Bùi Thị Ngọc Y nói với Thủ quỹ Lê Ngọc M1 là Y sẽ nộp trả số tiền 897.080.000 đồng cho Ban Quản lý dự án huyện Đ (sau đây viết tắt là Ban QLDA huyện Đ) theo chỉ đạo của Nguyễn Đức K. Tin tưởng Y, Lê Ngọc M1 không thông báo cho Nguyễn Đức K, ký nhận đầy đủ số tiền 902.680.000 đồng tại Ngân hàng A nhưng chỉ thực nhận 5.600.000 đồng, M1 giao lại 897.080.000 đồng để Y nộp cho Ban QLDA huyện Đ. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y chiếm đoạt số tiền 897.080.000 đồng và làm giấy nộp tiền vào tài khoản 050096283056 của đối tượng T3 Và D mở tại Ngân hàng S với nội dung: “*Chuyển tạm ứng CT Đường vào khu tái định cư Ấ, xã P, đợt B, huyện Đ*”. Ngân hàng A đã chuyển tiền đến Tăng Và Dìn theo yêu cầu của Y. Để làm cho Lê Ngọc M1 tin tưởng, Y làm giấy nộp tiền (phô tô) với nội dung là Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ nộp số tiền 897.080.000 đồng vào tài khoản 5907201000058 của Ban QLDA huyện Đ (góc trái giấy nộp tiền có đóng dấu tròn của Ngân hàng A và không có nội dung kiểm soát của nhân viên ngân hàng) đưa cho Lê Ngọc M1 để lưu giữ.

Lê Ngọc M1 đã lập phiếu chi và chi trả 5.600.000 đồng cho ông Vòng Tật H2 (trú Ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai) và ghi vào Sổ quỹ theo dõi tiền mặt do Muôn quản lý, sử dụng. Đối với số tiền 897.080.000 đồng, Lê Ngọc M1 không lập phiếu thu, không lập phiếu chi tiền mặt nhưng ghi vào Sổ quỹ theo dõi tiền mặt là nộp trả Ban QLDA huyện Đ số tiền 897.080.000 đồng.

Ngày 02/3/2020, Bùi Thị Ngọc Y lập Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 02/2020 với số tiền phát sinh giảm trong kỳ không bao gồm số tiền 897.080.000 đồng để trình Nguyễn Đức K ký. Sau đó, Y

không sử dụng chứng từ trên mà làm giả chữ ký Nguyễn Đức K trên Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 02/2020 khác, với nội dung phát sinh giảm trong kỳ số tiền 897.080.000 đồng, chuyển đến Kho bạc Nhà nước huyện Đ để đối chiếu, xác nhận số dư tài khoản. Chủ tài khoản Nguyễn Đức K đã không kiểm tra B xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 02/2020 đã được Kho bạc Nhà nước huyện Đ đối chiếu, xác nhận nên không phát hiện tài khoản bị thất thoát tiền.

Lần thứ hai: Ngày 18/3/2020, Bùi Thị Ngọc Y trình Nguyễn Đức K ký Ủy nhiệm chi (tiền mặt), lệnh chi tổng số tiền là 817.270.000 đồng với các nội dung: “*Chi nghĩa vụ tài chính công trình tuyến đường KDC 11B tại ấp Đ, xã T, huyện Đ, số tiền là 37.000 đồng và C BHYT Đường và khu tái định cư Ấ, xã P (đợt B) tại Ấp C, xã P, huyện Đ, số tiền là 817.233.000 đồng*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Bùi Thị Ngọc Y nói với Lê Ngọc M1 là Y sẽ nộp trả số tiền 817.233.000 đồng cho Ban QLDA huyện Đ theo chỉ đạo của Nguyễn Đức K. Tin tưởng Y, M1 đã ký nhận đủ số tiền 817.270.000 đồng tại Ngân hàng A nhưng chỉ thực nhận 37.000 đồng và giao lại 817.233.000 đồng để Y nộp cho Ban QLDA huyện Đ. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y chiếm đoạt số tiền 817.233.000 đồng và làm giấy nộp tiền vào tài khoản 050096283056 của đối tượng T3 Và D mở tại Ngân hàng S với nội dung: “*Nộp tiền tạm ứng*”. Sau đó, T3 Và D đã chuyển số tiền 712.837.000 đồng vào tài khoản 5907215029676 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng A.

Bùi Thị Ngọc Y làm giấy nộp tiền với nội dung là Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ nộp vào tài khoản 5907201000058 của Ban QLDA huyện Đ số tiền 817.233.000 đồng (góc trái giấy nộp tiền có đóng dấu tròn của Ngân hàng A nhưng không có nội dung kiểm soát của nhân viên ngân hàng) đưa cho Lê Ngọc M1 để lưu giữ.

Lê Ngọc M1 không lập phiếu thu, không lập phiếu chi tiền mặt số tiền 817.233.000 đồng nhưng ghi vào Sổ quỹ theo dõi tiền mặt là nộp trả Ban QLDA huyện Đ số tiền 817.233.000 đồng, kèm theo bản phô tô giấy nộp tiền do Bùi Thị Ngọc Y đưa.

Ngày 06/4/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của Nguyễn Đức K trên Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 3/2020 có nội dung phát sinh giảm trong kỳ số tiền 817.233.000 đồng, chuyển đến Kho bạc Nhà nước huyện Đ để đối chiếu, xác nhận. Chủ tài khoản Nguyễn Đức K đã không kiểm tra B xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 3/2020 đã được Kho bạc Nhà nước huyện Đ đối chiếu, xác nhận nên không phát hiện tài khoản bị thất thoát tiền.

Ngày 05/5/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của Nguyễn Đức K trên Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 4/2020, chuyển đến Kho bạc Nhà nước huyện Đ để đối chiếu, xác nhận. Chủ tài khoản Nguyễn Đức K đã không kiểm tra B xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 4/2020 đã được Kho bạc Nhà nước huyện Đ đối chiếu, xác nhận nên không phát hiện tài khoản bị thất thoát tiền (bút lục số 97).

Lần thứ 3: Ngày 14/5/2020, Bùi Thị Ngọc Y trình Nguyễn Đức K ký Ủy nhiệm chi (tiền mặt), lệnh chi số tiền là 799.638.000 đồng với nội dung: “*Chi nghĩa vụ tài chính công trình tuyến đường KDC 11B tại ấp Đ, xã T, huyện Đ, số tiền là 37.000 đồng và C BTHT Đường và khu tái định cư Á, xã P (Đ) tại Ấp C, xã P, huyện Đ, số tiền là 799.601.000 đồng*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Bùi Thị Ngọc Y nói với Lê Ngọc M1 là Y sẽ nộp trả số tiền 799.601.000 đồng cho Ban QLDA huyện Đ theo chỉ đạo của Nguyễn Đức K. Tin tưởng Y, M1 đã ký nhận đủ số tiền 799.638.000 đồng tại Ngân hàng A nhưng chỉ thực nhận 37.000 đồng và giao lại 799.601.000 đồng để Y nộp cho Ban QLDA huyện Đ. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y chiếm đoạt số tiền 799.601.000 đồng và làm giấy nộp tiền vào tài khoản 050096283056 của đối tượng T3 Và D mở tại Ngân hàng S với nội dung: “Nộp tiền bồi thường, hỗ trợ công trình, dự án”. Tăng Và D đã chuyển 685.927.000 đồng vào tài khoản 5907215029676 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng A.

Bùi Thị Ngọc Y làm giấy nộp tiền với nội dung là Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ nộp vào tài khoản 5907201000058 của Ban QLDA huyện Đ số tiền 799.601.000 đồng (góc trái giấy nộp tiền có đóng dấu tròn của Ngân hàng A nhưng không có nội dung kiểm soát của nhân viên ngân hàng) đưa cho Lê Ngọc M1 lưu giữ.

Lê Ngọc M1 không lập phiếu thu, không lập phiếu chi số tiền 799.601.000 đồng nhưng ghi vào Sổ quỹ theo dõi tiền mặt là nộp trả Ban QLDA huyện Đ.

Ngày 05/6/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của Nguyễn Đức K trên Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 5/2020 có nội dung phát sinh giảm trong kỳ số tiền 799.601.000 đồng, chuyển đến Kho bạc Nhà nước huyện Đ để đối chiếu, xác nhận. Chủ tài khoản Nguyễn Đức K đã không kiểm tra B xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 5/2020 đã được Kho bạc Nhà nước huyện Đ đối chiếu, xác nhận nên không phát hiện tài khoản bị thất thoát tiền.

Lần thứ 4: Ngày 02/6/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của chủ tài khoản Nguyễn Đức K trên Ủy nhiệm chi (tiền mặt), lệnh chi số tiền là 879.177.000 đồng với nội dung: “*Chi BTHT và bồi thường công trình đường và khu tái định cư Á, xã P (Đ) tại Ấp C, xã P, huyện Đ*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ số tiền 879.177.000 đồng nhưng không nhận đồng nào mà giao lại cho Y để nộp trả Ban QLDA huyện Đ. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt số tiền 879.177.000 đồng và làm giấy nộp tiền vào tài khoản 050096283056 của T3 Và D mở tại Ngân hàng S với nội dung: “Nộp tiền BTHT công trình dự án”. Tăng Và D đã chuyển lại 773.334.000 đồng vào tài khoản 5907215029676 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng A. Bùi Thị Ngọc Y đã đưa cho Lê Ngọc M1 bản phô tô giấy nộp tiền có nội dung nộp 879.177.000 đồng vào tài khoản Ban QLDA huyện Đ để Muôn lưu giữ.

Lê Ngọc M1 không lập phiếu thu, không lập phiếu chi số tiền 879.177.000 đồng nhưng ghi vào Sổ quỹ theo dõi tiền mặt là nộp trả Ban QLDA huyện Đ.

Ngày 05/7/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của Nguyễn Đức K trên Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 6/2020 có nội dung phát sinh giảm trong kỳ số tiền 879.177.000 đồng, chuyển đến Kho bạc Nhà nước huyện Đ để đối chiếu, xác nhận. Chủ tài khoản Nguyễn Đức K đã không kiểm tra B xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 6/2020 đã được Kho bạc Nhà nước huyện Đ đối chiếu, xác nhận nên không phát hiện tài khoản bị thất thoát tiền.

Lần thứ 5: Ngày 08/7/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của chủ tài khoản Nguyễn Đức K trên Ủy nhiệm chi (tiền mặt), lệnh chi số tiền là 659.837.000 đồng với nội dung: “*Chi BTHT và bồi thường công trình đường và khu tái định cư Ấ, xã P (Đ) tại Ấp C, xã P, huyện Đ*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ số tiền 659.837.000 đồng nhưng không nhận đồng nào mà giao lại cho Y để nộp trả Ban QLDA huyện Đ. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt số tiền 659.837.000 đồng và làm giấy nộp tiền vào tài khoản 050096283056 của T3 Và D mở tại Ngân hàng S với nội dung: “Nộp tiền bồi thường công trình”. Tăng Và D đã chuyển lại 567.491.000 đồng vào tài khoản 5907215029676 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng A. Bùi Thị Ngọc Y đã đưa cho Lê Ngọc M1 bản phô tô giấy nộp tiền có nội dung nộp 659.837.000 đồng vào tài khoản Ban QLDA huyện Đ để Muôn lưu giữ.

Lê Ngọc M1 không lập phiếu thu, không lập phiếu chi số tiền 659.837.000 đồng nhưng ghi vào Sổ quỹ theo dõi tiền mặt là nộp trả Ban QLDA huyện Đ.

Lần thứ 6: Ngày 14/7/2020, Bùi Thị Ngọc Y trình Nguyễn Đức K ký Ủy nhiệm chi (tiền mặt), lệnh chi số tiền là 1.039.067.000 đồng với nội dung: *C3 tiền thưởng công trình trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Đ (QĐ: 3021/QĐ-UBND ngày 27/12/2019), số tiền là 36.000.000 đồng và Rút chi công trình Chợ SI, xã S, huyện Đ (QĐ: 3199/QĐ-UBND ngày 30/12/2015), số tiền là 1.003.067.000 đồng*. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ số tiền 1.039.067.000 đồng nhưng chỉ thực nhận số tiền 36.000.000 đồng và giao lại số tiền 1.003.067.000 đồng cho Bùi Thị Ngọc Y nộp trả Ban QLDA huyện Đ theo lời của Y. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt 1.003.067.000 đồng và chuyển vào tài khoản 050096283056 của Tăng Và D mở tại Ngân hàng S. Tăng Và D đã chuyển lại 830.793.000 đồng vào tài khoản 5907215029676 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng A. Lê Ngọc M1 không ghi nội dung chi tiền mặt này vào Sổ quỹ theo dõi tiền mặt.

Ngày 05/8/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của Nguyễn Đức K trên Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 7/2020, chuyển đến Kho bạc Nhà nước huyện Đ để đối chiếu, xác nhận. Chủ tài khoản

Nguyễn Đức K đã không kiểm tra B xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 7/2020 đã được Kho bạc Nhà nước huyện Đ đối chiếu, xác nhận nên không phát hiện tài khoản bị thất thoát tiền.

Lần thứ 7: Ngày 05/8/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của chủ tài khoản Nguyễn Đức K trên Ủy nhiệm chi (tiền mặt), lệnh chi số tiền là 711.845.000 đồng với nội dung: *Rút chi công trình Chợ SI, xã S, huyện Đ (QĐ: 3199/QĐ-UBND ngày 30/12/2015)* (bút lục số 82). Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ số tiền 711.845.000 đồng nhưng không nhận đồng nào và giao lại 711.845.000 đồng cho Bùi Thị Ngọc Y nộp trả Ban QLDA huyện Đ theo lời của Y. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt 711.845.000 đồng và chuyển vào tài khoản 050096283056 của Tăng Và D mở tại Ngân hàng S (bút lục số 2168-2169). Tăng Và D đã chuyển lại 611.647.000 đồng vào tài khoản 5907215029676 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng A. Bùi Thị Ngọc Y đã đưa cho Lê Ngọc M1 bản phô tô giấy nộp tiền có nội dung nộp 711.845.000 đồng vào tài khoản Ban QLDA huyện Đ để Muôn lưu giữ.

Lê Ngọc M1 không lập phiếu thu, không lập phiếu chi số tiền 711.845.000 đồng nhưng ghi vào Sổ quỹ theo dõi tiền mặt là nộp trả Ban QLDA huyện Đ.

Ngày 04/9/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của Nguyễn Đức K trên Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 8/2020, chuyển đến Kho bạc Nhà nước huyện Đ để đối chiếu, xác nhận. Chủ tài khoản Nguyễn Đức K đã không kiểm tra B xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 8/2020 đã được Kho bạc Nhà nước huyện Đ đối chiếu, xác nhận nên không phát hiện tài khoản bị thất thoát tiền.

Ngày 07/9/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của Nguyễn Đức K trên Ủy nhiệm chi (chuyển khoản), lệnh chi số tiền là 25.415.745 đồng với nội dung: *“Chuyển khoản tiền lệ phí trước bạ Công trình Tiêu nước cánh đồng B, xã T - huyện Đ số tiền 8.653.175 đồng và chuyển khoản tiền thuế TNCN Công trình tiêu nước cánh đồng B, xã T - huyện Đ số tiền 16.762.570 đồng”*. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi và chuyển khoản đến Chi cục thuế khu vực Đ - T. Như vậy, do động cơ cá nhân, Bùi Thị Ngọc Y đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn, thực hiện hành vi giả mạo chữ ký của chủ tài khoản Nguyễn Đức K là người có chức vụ, quyền hạn.

Ngày 02/10/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của Nguyễn Đức K trên Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 9/2020, chuyển đến Kho bạc Nhà nước huyện Đ để đối chiếu, xác nhận. Chủ tài khoản Nguyễn Đức K đã không kiểm tra B xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 9/2020 đã được Kho bạc Nhà nước huyện Đ đối chiếu, xác nhận nên không phát hiện tài khoản bị thất thoát tiền.

Ngoài ra, ngày 05/02/2020, Bùi Thị Ngọc Y làm giả chữ ký của Nguyễn Đức K trên Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 01/2020, chuyển đến Kho bạc Nhà nước huyện Đ để đối chiếu, xác nhận. Chủ

tài khoản Nguyễn Đức K đã không kiểm tra B xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước tháng 01/2020 đã được Kho bạc Nhà nước huyện Đ đối chiếu, xác nhận.

Khoảng tháng 6/2020, Bùi Thị Ngọc Y nhận được chữ ký số của Chủ tài khoản Nguyễn Đức K nhưng cố ý giữ lại để sử dụng mà không báo cáo, không bàn giao, không tham mưu cho Nguyễn Đức K để quản lý và sử dụng chữ ký số trên phần mềm dịch vụ công tại Kho bạc Nhà nước. Bùi Thị Ngọc Y gian dối bằng cách tham mưu cho Nguyễn Đức K tiếp tục thực hiện các giao dịch với Kho bạc Nhà nước huyện Đ bằng chữ ký trực tiếp trên giấy (còn gọi là chữ ký sống) nhưng không sử dụng mà tạo lập các chứng từ điện tử trên phần mềm, sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản, của Kế toán trưởng để tiến hành các hoạt động giao dịch với Kho bạc Nhà nước huyện Đ để tiếp tục chiếm đoạt tiền của Nhà nước sử dụng cho mục đích tiêu xài cá nhân.

Lần thứ 8: Ngày 17/8/2020, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (tiền mặt) số tiền là 659.837.000 đồng, với nội dung: “*Chi BTHT và bồi thường công trình đường và khu tái định cư Ấ, xã P tại Ấp C, xã P, huyện Đ*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ số tiền 659.837.000 đồng nhưng không nhận đồng nào và giao lại 659.837.000 đồng cho Bùi Thị Ngọc Y nộp trả Ban QLDA huyện Đ theo lời của Y. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt 659.837.000 đồng, làm giấy nộp tiền, chuyển vào tài khoản 050096283056 của T3 Và D mở tại Ngân hàng S số tiền 543.137.000 đồng và tài khoản số 050072090192 của Chí Nguyệt L mở tại Ngân hàng S số tiền 116.700.000 đồng (trả nợ cho Hồ Chí P) (bút lục số 417-419, 2170-2174). Ngày 18/8/2020, T3 Và D chuyển trả số tiền 434.969.000 đồng vào 5907215029676 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng A.

Lần thứ 9: Ngày 19/4/2021, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (tiền mặt) với nội dung: “*Rút tiền BTHT dự án Cầu T, xã N, huyện Đ (theo QĐ số: 3855/QĐ-UBND ngày 22/10/2020). Cấp trực tiếp bằng TM do đối tượng nhận không có TK tại ngân hàng số tiền là 2.025.460.000 đồng*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ tiền nhưng không nhận đồng nào và giao lại 2.025.460.000 đồng cho Bùi Thị Ngọc Y nộp trả Ban QLDA huyện Đ theo lời của Y. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt 2.025.460.000 đồng và chuyển vào tài khoản 060210950268 của Hồ Cẩm D1 mở tại Ngân hàng S. Vào ngày 20/4/2021, Hồ Cẩm D1 đã chuyển khoản (06 lần) với tổng số tiền 1.696.760.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 10: Ngày 26/4/2021, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của Chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (tiền mặt) với nội dung: “*Rút tiền BTHT dự án Cầu T, xã N, huyện Đ (theo QĐ số: 3855/QĐ-UBND ngày 22/10/2020) số tiền là 1.540.000.000 đồng*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ tiền nhưng

không nhận đồng nào và giao lại 1.540.000.000 đồng cho Bùi Thị Ngọc Y nộp trả Ban QLDA huyện Đ theo lời của Y. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt 1.540.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản 5907205334675 của Võ Thanh Q mở tại Ngân hàng A. Sau đó, Võ Thanh Q chuyển trả số tiền 1.492.190.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 11: Ngày 06/5/2021, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (tiền mặt) với nội dung: “*Rút tiền bồi thường dự án nâng cấp đường ĐT 763 đoạn từ Km 0+000 đến Km 0+500 (QĐ: 681 ngày 28/01/2021). Cấp trực tiếp bằng TM do đối tượng nhận không có TK tại ngân hàng số tiền là 3.590.000.000 đồng*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ tiền nhưng không nhận đồng nào và giao lại 3.590.000.000 đồng cho Bùi Thị Ngọc Y nộp trả Ban QLDA huyện Đ theo lời của Y. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt 3.590.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản 060238552799 của Dương Thị Mộng T4 mở tại Ngân hàng S. Từ ngày 08/5/2021 đến ngày 14/5/2021, Dương Thị Mộng T4 chuyển khoản (03 lần) với tổng số tiền 3.562.300.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 12: Ngày 22/6/2021, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (tiền mặt) với nội dung: “*Rút chi BTHH Dự án Hồ C tại xã G (QĐ số: 3124/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 đợt 3), cấp trực tiếp bằng TM do đối tượng không có TK tại ngân hàng số tiền là 2.523.379.000 đồng*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ tiền nhưng không nhận đồng nào và giao lại 2.523.379.000 đồng cho Bùi Thị Ngọc Y nộp trả Ban QLDA huyện Đ theo lời của Y. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt 2.523.379.000 đồng và chuyển vào tài khoản 060238552799 của Dương Thị Mộng T4 mở tại Ngân hàng S số tiền 585.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản 050096283056 của Tăng Và D mở tại Ngân hàng S số tiền 1.938.379.000 đồng. Từ ngày 24/6/2021 đến ngày 09/7/2021, Dương Thị Mộng T4 chuyển khoản (07 lần) với tổng số tiền 517.360.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S. Từ ngày 23/6/2021 đến ngày 24/6/2021, T3 Và Din chuyển khoản (05 lần) với tổng số tiền 1.820.079.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 13: Ngày 16/9/2021, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (tiền mặt) số tiền là 810.348.000 đồng với nội dung: “*Rút tiền bồi thường Khu dân cư Thương mại và C1 ngã ba G (QĐ số: 1732/QĐ-UBND ngày 28/4/2021). Cấp trực tiếp bằng TM do đối tượng không có TK tại ngân hàng*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ tiền nhưng không nhận đồng nào và giao lại toàn bộ số tiền 810.348.000 đồng cho Bùi Thị Ngọc Y nộp trả Ban QLDA huyện Đ theo lời của Y. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt 810.348.000 đồng và chuyển vào tài khoản

050091306521 của Lê Trung K2 mở tại Ngân hàng S số tiền là 198.000.000 đồng (trả nợ mà Y đã vay của Vũ Xuân T5. Ngày 28/9/2021, Vũ Xuân T5 chuyển trả vào tài khoản của Y 91.000.000 đồng); chuyển vào tài khoản 5907205334669 của chồng Y là Nguyễn Hoàng H mở tại Ngân hàng A số tiền 421.348.000 đồng (Yến quản lý tài khoản của H và đã 05 lần chuyển từ tài khoản này vào tài khoản 5907215029676 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng A với tổng số tiền là 420.000.000 đồng); chuyển vào tài khoản 050111182172 của Vũ Xuân T6 mở tại Ngân hàng S số tiền 90.000.000 đồng, sau đó Vũ Xuân T6 chuyển khoản (06 lần) trả lại Bùi Thị Ngọc Y tổng số tiền 90.000.000 đồng); chuyển vào số tài khoản 050092015642 của Tăng Hòa T7 mở tại Ngân hàng S số tiền 101.000.000 đồng (Y trả nợ lãi vay của T7 nên T7 không trả tiền lại cho Y).

Lần thứ 14: Ngày 28/9/2021, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (tiền mặt) với nội dung: “*Rút tiền bồi thường KDC Thương mại và Chợ ngã ba G (QĐ: 1732 ngày 28/4/2021). Cấp trực tiếp bằng TM do đối tượng không có TK tại ngân hàng số tiền là 1.565.353.200 đồng*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ tiền nhưng không nhận đồng nào và giao lại toàn bộ số tiền 1.565.353.200 đồng cho Bùi Thị Ngọc Y nộp trả Ban QLDA huyện Đ theo lời của Y. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt 1.565.353.200 đồng và chuyển vào tài khoản 5907205334669 của Nguyễn Hoàng H mở tại Ngân hàng A. Sau đó, bị cáo Y đã sử dụng tài khoản của Nguyễn Hoàng H 16 lần chuyển khoản tổng số tiền 1.565.000.000 đồng vào tài khoản của Y mở tại Ngân hàng A.

Lần thứ 15: Ngày 10/11/2021, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (tiền mặt) với nội dung: “*Rút tiền bồi thường KDC Thương mại và Chợ ngã ba G (theo QĐ số: 1732/QĐ-UBND ngày 28/4/2021). Cấp trực tiếp bằng TM do đối tượng không có TK tại ngân hàng, số tiền là 125.900.000 đồng*”. Kho bạc Nhà nước huyện Đ đã xác nhận trả tiền trên chứng từ chi. Lê Ngọc M1 ký xác nhận đã nhận đủ tiền nhưng không nhận đồng nào và giao lại toàn bộ 125.900.000 đồng cho Bùi Thị Ngọc Y nộp trả Ban QLDA huyện Đ theo lời của Y. Sau khi Lê Ngọc M1 rời đi, Bùi Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt 125.900.000 đồng và chuyển vào tài khoản 102871268379 của Nguyễn Xuân T8 mở tại Ngân hàng V. Sau đó, Nguyễn Xuân T8 đã chuyển khoản (02 lần) tổng số tiền 113.900.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 16: Ngày 19/11/2021, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050120122131 của Nguyễn Thị T9 mở tại Ngân hàng S - Chi nhánh Đ3 với nội dung: “*Rút tiền bồi thường khu dân cư Thương mại và C1 ngã ba G QĐ 1732 ngày 28/4/2021 số tiền là 2.680.000.000 đồng*”. Bùi Thị Ngọc Y gọi điện thoại báo cho T9 biết là Y thanh toán tiền gốc và lãi mà Y đã vay trước đó.

Lần thứ 17: Ngày 24/11/2021, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050092463211 của Nguyễn Văn L1 mở tại Ngân hàng S Chi nhánh Đ3 với nội dung: “*Chuyển khoản bồi thường Dự án nâng cấp đường ĐT 763, QĐ: 5308 ngày 29/12/2020; 5491/31/12/2020 với số tiền là 1.750.000.000 đồng*”. Sau khi chuyển tiền, Y đã điện thoại nói với L1 là thanh toán tiền nợ vay và lãi nhưng chuyển dư nên yêu cầu Luân chuyển trả cho Y. Ngày 24/11/2021, Nguyễn Văn Luân C2 trả (04 lần) với tổng số tiền là 1.750.000.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 18. Ngày 13/12/2021, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050111182172 của Vũ Xuân T6 mở tại Ngân hàng S với nội dung: “*Chuyển khoản tiền BHYT Công trình Khu dân cư Thương mại và Chợ Ngã ba G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai số tiền là 3.689.000.000 đồng*”. Sau khi chuyển tiền, Y điện thoại nói với T6 là thanh toán tiền nợ vay và lãi nhưng chuyển dư nên yêu cầu T6 chuyển trả. Từ ngày 14/12/2021 đến ngày 14/01/2022, Vũ Xuân T6 chuyển trả (07 lần) với tổng số tiền là 3.260.700.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 19: Ngày 23/12/2021, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050092463211 của Nguyễn Văn L1 mở tại Ngân hàng S Chi nhánh Đ3 với nội dung: “*Chuyển khoản tiền bồi thường Dự án Khu dân cư Thương mại và Chợ Ngã ba G, QĐ: 2126 ngày 07/6/2021 với số tiền là 2.380.000.000 đồng*”. Sau khi chuyển tiền, Y đã điện thoại nói với L1 là thanh toán tiền nợ vay và lãi nhưng chuyển dư nên yêu cầu Luân chuyển trả cho Y. Ngày 23/12/2021, Nguyễn Văn Luân C2 trả (03 lần) với tổng số tiền 2.274.000.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 20: Ngày 25/01/2022, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050111182172 của Vũ Xuân T6 mở tại Ngân hàng S với nội dung: *Chuyển khoản tiền bồi thường hỗ trợ Dự án nâng cấp đường ĐT 763 xã S, huyện Đ, (QĐ 681 ngày 31/12/2020) số tiền là 984.450.000 đồng*. Sau khi chuyển tiền, Y điện thoại nói với T6 là thanh toán tiền nợ vay và lãi nhưng chuyển dư nên yêu cầu T6 chuyển trả. Từ ngày 25/01/2022 đến ngày 10/02/2022, Vũ Xuân T6 chuyển trả (02 lần) với tổng số tiền là 841.850.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 21: Ngày 08/3/2022, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 060210950268 của Hồ Cẩm D1 mở tại Ngân hàng S với nội dung: “*Chuyển khoản tiền bồi thường hỗ trợ Công trình Khu dân cư Thương mại và Chợ Ngã ba G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (QĐ: 2126 ngày 07/6/2021) số tiền là 1.565.353.200 đồng*”. Sau khi chuyển tiền, Y điện thoại nói với D1 là thanh toán tiền nợ vay và lãi nhưng chuyển dư nên yêu cầu D1 chuyển trả. Từ ngày

08/3/2022 đến ngày 09/3/2022, Hồ Cẩm D1 chuyển trả (03 lần) tổng số tiền là 1.317.800.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 22: Ngày 15/3/2022, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050092015642 của Tăng Hòa T7 mở tại Ngân hàng S, với nội dung: “*Chuyển khoản tiền BTHT Dự án nâng cấp xây dựng Đoạn 1,2 tuyến đường C - huyện Đ (QĐ số: 5206/QĐ-UBND ngày 03/12/2021) số tiền là 1.282.304.000 đồng*”. Sau khi chuyển tiền, Y nói với T7 là Y thanh toán tiền vay và lãi nhưng chuyển dư nên yêu cầu T7 chuyển trả lại. Từ ngày 16/3/2022 đến ngày 17/3/2022, T7 chuyển trả tổng số tiền 1.237.900.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 23: Ngày 25/3/2022, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của Chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 102871268379 của Nguyễn Xuân T8 mở tại Ngân hàng V với nội dung: “*Chuyển khoản tiền BTHT Dự án nâng cấp xây dựng Đoạn 1,2 tuyến đường C- huyện Đ, đợt 2, QĐ: 5206 ngày 03/12/2021 số tiền là 1.149.716.000 đồng*”. Sau đó, bị cáo Y nói với T8 là trả tiền vay và lãi nhưng chuyển nhầm nên yêu cầu T8 chuyển trả. Từ ngày 28/3/2022 đến ngày 29/3/2022, Nguyễn Xuân T8 đã chuyển trả (04 lần) với tổng số tiền là 1.103.000.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 24: Ngày 07/04/2022, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050092463211 của Nguyễn Văn L1 mở tại Ngân hàng S Chi nhánh Đ3 với nội dung: “*Chuyển khoản tiền bồi thường Công trình Khu dân cư Thương mại và Chợ Ngã ba G, huyện Đ (QĐ: 1732 ngày 28/4/2021 với số tiền là 2.980.121.000 đồng*”. Sau khi chuyển tiền, Y đã điện thoại nói với L1 là thanh toán tiền nợ vay và lãi nhưng chuyển dư nên yêu cầu Luân chuyển trả cho Y. Ngày 08/4/2022, Nguyễn Văn Luân C2 trả (03 lần) với tổng số tiền 2.850.000.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 25: Ngày 26/4/2022, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050111182172 của Vũ Xuân T6 mở tại Ngân hàng S với nội dung: “*Chuyển khoản tiền BTHT Dự án đầu tư Khu dân cư Thương mại và Chợ N2 ba G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (QĐ: 1732 ngày 28/4/2021) số tiền là 2.499.362.000 đồng*”. Sau khi chuyển tiền, Y điện thoại nói với T6 là thanh toán tiền nợ vay và lãi nhưng chuyển dư nên yêu cầu T6 chuyển trả. Ngày 27/4/2022, Vũ Xuân T6 chuyển trả số tiền là 1.662.362.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 26: Ngày 20/6/2022, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050111182172 của Vũ Xuân T6 mở tại Ngân hàng S với nội dung: “*Chuyển khoản tiền bồi thường hỗ trợ Dự án Hồ C tại xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai*”.

(QĐ: 4578 ngày 03/12/2020) số tiền là 3.392.510.000 đồng”. Sau khi chuyển tiền, Y điện thoại nói với T6 là thanh toán tiền nợ vay và lãi nhưng chuyển dư nên yêu cầu T6 chuyển trả. Từ ngày 21/6/2022 đến ngày 03/8/2022, Vũ Xuân T6 chuyển trả tổng số tiền là 3.329.769.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 27: Ngày 29/6/2022, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050092463211 của Nguyễn Văn L1 mở tại Ngân hàng S Chi nhánh Đ3 với nội dung: “Chuyển khoản tiền BTHT Dự án Hồ C, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (QĐ: 4082 ngày 11/11/2020) số tiền là 2.801.017.000 đồng”. Sau khi chuyển tiền, Y đã gọi điện thoại nói với L1 là thanh toán tiền nợ vay và lãi nhưng chuyển dư nên yêu cầu Luân chuyển trả cho Y. Ngày 29/6/2022, Nguyễn Văn Luân C2 trả (05 lần) với tổng số tiền 2.786.000.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 28: Ngày 10/10/2022, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050131302565 của Nguyễn Văn N1 mở tại Ngân hàng S với nội dung: “Chuyển khoản tiền BTHT Dự án nâng cấp xây dựng Đoạn 1,2 tuyến đường C - huyện Đ (QĐ: 5206 ngày 03/12/2021) số tiền là 515.280.000 đồng”. Bùi Thị Ngọc Y nói cho N1 mượn nhưng đã chuyển nhầm nên yêu cầu N1 chuyển trả cho Y. Từ ngày 11/10/2022 đến 15/10/2022, Nguyễn Văn N1 đã 03 lần chuyển khoản với tổng số tiền là 534.980.000 đồng (bao gồm cả số tiền 19.700.000 đồng mà N1 đã mượn Y trước đó) vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Lần thứ 29: Ngày 28/10/2022, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050120122131 của Nguyễn Thị T9 mở tại Ngân hàng S - Chi nhánh Đ3 với nội dung: “Chuyển khoản tiền BTHT Dự án Đầu tư thủy lợi phục vụ tưới vùng mía, xã G, huyện Đ (QĐ: 2560 ngày 27/7/2020) số tiền là 296.690.000 đồng”. Bùi Thị Ngọc Y gọi điện thoại báo cho T9 biết là Y thanh toán tiền gốc và lãi mà Y đã vay trước đó.

Lần thứ 30: Ngày 14/11/2022, Bùi Thị Ngọc Y sử dụng chữ ký số của chủ tài khoản Nguyễn Đức K, lập Ủy nhiệm chi (chuyển khoản) vào tài khoản 050077903711 của Thái Thị Thu H3 mở tại Ngân hàng S với nội dung: “Chuyển khoản tiền chi BTHT Dự án nâng cấp xây dựng Đoạn 1,2 tuyến đường Cao Cang đợt 2 (QĐ: 5884 ngày 28/12/2021) số tiền là 310.740.000 đồng”. Sau đó, Y nói với H3 là thanh toán tiền vay và lãi nhưng chuyển dư nên yêu cầu H3 chuyển trả. Ngày 14/11/2022, Thái Thị Thu H3 đã chuyển số tiền 157.140.000 đồng vào tài khoản 050089709171 của Bùi Thị Ngọc Y mở tại Ngân hàng S.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 755/KLGD-GĐV ngày 02/02/2024 và Văn bản số 1315/CV-GĐVTP ngày 11/3/2024 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Đ xác định: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ thực hiện chi tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án trên

địa bàn huyện Đ cho các cá nhân không thuộc diện được bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại cho nhà nước với số tiền là 46.884.660.400 đồng. Trách nhiệm cá nhân để xảy ra thiệt hại là Nguyễn Đức K - Giám đốc và Bùi Thị Ngọc Y – Kế toán của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ. Thủ quỹ đơn vị (Lê Ngọc M1) đã thực hiện hành vi ký chứng từ chi tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng không trực tiếp giao tiền cho các đối tượng được nhận bồi thường, hỗ trợ và không thực hiện bảo quản quỹ tiền mặt là vi phạm quy định pháp luật và phải chịu trách nhiệm”.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2022, Bùi Thị Ngọc Y đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Kế toán trưởng, thực hiện hành vi gian dối để lập một số chứng từ chi bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 46.884.660.400 đồng không đúng chế độ kế toán theo quy định nhằm chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, cụ thể: Đã lập một số chứng từ kế toán đề nghị chuyển khoản đến các cá nhân không đúng với danh sách đối tượng được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt; tự ý quản lý, sử dụng chữ ký số của Thủ trưởng đơn vị để lập không chứng từ chi tiền bồi thường, hỗ trợ; cùng với Thủ quỹ thực hiện quy trình rút tiền mặt để chi tiền không đúng đối tượng, vi phạm khoản 3 và khoản 4 Điều 5; khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 18 Luật Kế toán; điểm c khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai; Quyết định số 21-LĐ/QĐ ngày 28/01/1983 của Bộ L5; khoản 3 Điều 16 Luật Viên chức và điểm b khoản 3 Điều 2 Quyết định số 76/QĐ-TTPTQĐ ngày 18/3/2020 và Quyết định số 01/QĐ-TTPTQĐ ngày 26/01/2022 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ. Để che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền do phạm tội mà có, sau mỗi lần chiếm đoạt tiền, Bùi Thị Ngọc Y đã nộp hoặc chuyển khoản với nội dung chi bồi thường, hỗ trợ của các dự án vào tài khoản của 14 đối tượng (gồm T3 Và Din, Chí Nguyệt L, Hồ Cẩm D1, Võ Thanh Q, Dương Thị Mộng T4, Lê Trung K2, Nguyễn Hoàng H, Vũ Xuân T6, Tăng H, Nguyễn Xuân T8, Nguyễn Thị T9, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn N1, Thái Thị Thu H3 là người thân, người quen của Y), lấy lý do chuyển thừa, chuyển nhầm và yêu cầu các đối tượng này chuyển trả vào tài khoản cá nhân của Y. Sau đó Y đã sử dụng số tiền đã chiếm đoạt để mua sắm đất đai, tiêu xài cá nhân. Trách nhiệm cá nhân để xảy ra thiệt hại trên do Bùi Thị Ngọc Y - Kế toán trưởng của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ (trực tiếp lập chứng từ). Để thực hiện hành vi phạm tội, Bùi Thị Ngọc Y còn làm giả 22 chữ ký của Nguyễn Đức K trên các chứng từ kế toán.

Quá trình điều tra, Bùi Thị Ngọc Y đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của Nguyễn Đức K, Lê Ngọc M1 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

2. Hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của bị cáo Nguyễn Đức K:

Với vai trò là Thủ trưởng đơn vị và là Chủ tài khoản của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ, có trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ,

tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; định kỳ báo cáo kết quả đánh giá thực hiện dự toán ngân sách được giao cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp; là người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2022 (gần 03 năm), Nguyễn Đức K đã không thực hiện, thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao, bị Bùi Thị Ngọc Y lợi dụng chiếm đoạt tiền, gây hậu quả thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền là 46.884.660.400 đồng. Hành vi của Nguyễn Đức K vi phạm khoản 5 Điều 18 Luật Kế toán; điểm c khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai; khoản 1 và khoản 3 Điều 18 Luật Ngân sách Nhà nước; khoản 3 Điều 16 Luật Viên chức; khoản 2 và khoản 4 Điều 38 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước. Quá trình điều tra, Nguyễn Đức K thừa nhận vi phạm, thiếu sót trong công tác quản lý như đã nêu trên và không biết Bùi Thị Ngọc Y thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền từ khi nào, như thế nào cho đến khi K trực tiếp phát hiện Y có hành vi tiêu hủy chứng từ tài chính bất thường nên đã chủ động báo cáo vi phạm của Y. Nguyễn Đức K xác định không hưởng lợi ích gì từ hành vi phạm tội của Y.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 202/2025/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

1. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Ngọc Y: Tù chung thân về tội “Tham ô tài sản”; 12 năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”; 10 năm tù về tội “Rửa tiền”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là: Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2022.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức K: 07 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lê Ngọc M1, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, bị cáo Nguyễn Đức K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, bị cáo Bùi Thị Ngọc Y kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Bùi Thị Ngọc Y kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Tham ô tài sản”; những tội danh còn lại bị cáo Y đồng ý với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Bị cáo Nguyễn Đức K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Về nội dung: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2022, Bùi Thị Ngọc Y đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Kế toán trưởng, thực hiện hành vi gian dối để lập một số chứng từ chi bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 46.884.660.400 đồng không đúng chế độ kế toán theo quy định nhằm chiếm đoạt tài sản của Nhà nước; số tiền chiếm đoạt được bị cáo sử dụng để mua bất động sản. Vì vậy, bị cáo Y đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù Chung thân về các tội danh “Tham ô tài sản”, “Giả mạo trong công tác”, “Rửa tiền” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới nên không có cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo K: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi thiếu trách nhiệm của mình, đã để cho bị cáo Y chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn của Nhà nước nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo K 07 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nhưng bị cáo K vẫn tác động tới gia đình để khắc phục số tiền 50.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Ngọc Y là ông Nguyễn Khánh Thanh H1 trình bày quan điểm:

Thông nhất với tội danh “Tham ô tài sản” mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Y, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về điều kiện, hoàn cảnh dẫn tới hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Cụ thể, hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ sự quản lý lỏng lẻo của các cơ quan Nhà nước mà không phải từ sự tinh vi, xảo quyệt của bị cáo; nếu những cơ quan này quản lý chặt chẽ, chủ động phát hiện kịp thời sẽ không có tội phạm xảy ra; không có biên bản bàn giao chữ ký số cho người có thẩm quyền; kho bạc Nhà nước có chữ ký mẫu nhưng không phát hành nên đã không phát hiện ra chữ ký giả. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có truyền thống Cách mạng, đã khắc phục được hơn 500.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Ngọc Y, giảm nhẹ cho bị cáo Y một phần hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Ngọc Y là ông Huỳnh Anh T1 trình bày quan điểm:

Thông nhất với ý kiến của Luật sư đồng nghiệp; xin Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Thị Ngọc Y để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Giá trị quyền sử dụng đất tại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo bị cơ quan điều tra thu giữ sẽ tăng nên có thể quy đổi để khắc phục hậu quả.

Bị cáo Bùi Thị Ngọc Y trình bày: Nhất trí với quan điểm bào chữa của các

Luật sư.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức K trình bày tại bài bào chữa gửi cho Hội đồng xét xử:

Bị cáo K không bàn bạc, không hưởng bất cứ lợi ích vật chất nào từ bị cáo Y; quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác, nhiều năm là chiến sỹ thi đua cơ sở, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tự nguyện khắc phục 50.000.000 đồng; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm; có nhân thân tốt và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Với căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo K.

Bị cáo Nguyễn Đức K trình bày: Bị cáo thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư.

Bị cáo Bùi Thị Ngọc Y nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về chăm mẹ già và hai con còn nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Đức K nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Quý T10 giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình vì bản thân năm nay cũng đã hơn 60 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Ngọc Y và Nguyễn Đức K làm trong thời hạn luật định, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã được Cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; kết quả được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1] Đối với bị cáo Bùi Thị Ngọc Y:

Từ tháng 01/2020 đến tháng 8/2022, lợi dụng chức vụ là kế toán trưởng, bị cáo Y đã nhiều lần thực hiện hành vi gian dối, giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn; lập 02 hệ thống sổ sách kế toán, lập chứng từ chi tiền không đúng đối tượng được Nhà nước phê duyệt nhằm mục đích chiếm đoạt tiền. Cụ thể, trong khoảng thời gian này, bị cáo Y đã 07 lần làm giả chữ ký của chủ tài khoản hoặc trình chủ tài khoản ký ủy nhiệm chi không đúng đối tượng chiếm đoạt số tiền 5.767.840.000 đồng; đồng thời, sau khi Kho bạc Nhà nước bắt đầu triển khai ứng dụng giao dịch trên phần mềm Dịch vụ hành chính công và V1 thuộc Chi nhánh Tập đoàn C4 đã bàn giao chữ ký số của Chủ tài khoản và chữ ký số của Kế toán trưởng cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ, nhưng bị cáo Y đã không thông báo và bàn giao chữ ký cho chủ tài khoản mà tiếp tục tham mưu sử dụng chữ ký trực tiếp, bị cáo Y đã làm giả các ủy nhiệm chi sử dụng chữ ký số không đúng đối tượng và 23 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt

tiền của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ với số tiền 41.116.820.400 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo Y đã chiếm đoạt của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ là 46.884.660.400 đồng.

Với hành vi làm giả hoặc trình các ủy nhiệm chi không đúng đối tượng nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền do mình đang có trách nhiệm trực tiếp quản lý của bị cáo Bùi Thị Ngọc Y đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Giả mạo trong công tác” và tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại Điều 359 và Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngoài ra, để che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của số tiền do phạm tội mà có, sau mỗi lần chiếm đoạt tiền, bị cáo Y đã nộp và chuyển khoản với nội dung chi bồi thường, hỗ trợ của các dự án vào tài khoản của 14 đối tượng gồm Tăng Và Din, Chí Nguyệt L, Hồ Cẩm D1, Võ Thanh Q, Dương Thị Mộng T4, Lê Trung K2, Nguyễn Hoàng H, Vũ Xuân T6, Tăng H, Nguyễn Xuân T8, Nguyễn Thị T9, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn N1, Thái Thị Thu H3, sau đó lấy lý do chuyển thừa, chuyển nhầm, bị cáo Y yêu cầu các đối tượng này chuyển trả vào tài khoản cá nhân của mình. Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo Y dùng để trả nợ vay, đầu tư bất động sản và lưu giữ trong tài khoản cá nhân. Hành vi của bị cáo Y đã thỏa mãn đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Rửa tiền” theo quy định tại Điều 324 Bộ luật Hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Đức K:

Ngày 14/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ2 tiếp nhận và bổ nhiệm Nguyễn Đức K giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ. Với vai trò là Thủ trưởng và Chủ tài khoản, bị cáo K có trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; định kỳ báo cáo kết quả đánh giá thực hiện dự toán ngân sách được giao cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp; là người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính, ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2022, bị cáo K đã không thực hiện, thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao nên đã để cho bị cáo Bùi Thị Ngọc Y lợi dụng, chiếm đoạt tiền, gây hậu quả thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền là 46.884.660.400 đồng. Quá trình điều tra xác định được bị cáo K không bàn bạc, không hưởng lợi từ hành vi phạm tội của bị cáo Y.

Như vậy, hành vi của bị cáo K đã vi phạm vào khoản 5 Điều 18 Luật Kế toán; điểm c khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 và khoản 3 Điều 18, Điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước và khoản 2, khoản 4 Điều 38 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; do đó, đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Bùi Thị Ngọc Y và Nguyễn Đức K là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính, làm cản trở hoạt động bình thường và xâm phạm tới tài sản của cơ quan Nhà nước; nghiêm trọng hơn, từ hành vi phạm tội của bị cáo gây mất uy tín của cơ quan Nhà nước, làm xói mòn niềm tin của Nhân dân, gây mất ổn định trật tự trị an địa phương. Bị cáo Y đã chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn và chưa khắc phục được thiệt hại nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3.4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo Bùi Thị Ngọc Y thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Đức K không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo Y và K đều thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo K có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác. Vì vậy, bị cáo Y được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51; bị cáo K được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.5] Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Yến T11 chung thân về tội “Tham ô tài sản”; 12 năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”; 10 năm tù về tội “Rửa tiền”, là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra cho xã hội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết đặc biệt nào mới nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận. Mặt khác, việc duy trì mức án Tù chung thân đối với bị cáo Y là cần thiết nhằm thiết lập trật tự xã hội ổn định, văn minh và phát triển.

Đối với bị cáo K: Bị cáo bị truy tố và xét xử theo khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó quy định mức hình phạt từ 07 năm đến 12 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù, ở mức khởi điểm của khung hình phạt, là phù hợp với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho xã hội. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù gia đình bị cáo khắc phục số tiền 50.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0001555 ngày 20/11/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Đồng Nai nhưng số tiền này so với hậu quả do bị cáo gây ra là không đáng kể nên không thể giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận quan điểm bào chữa của các Luật sư; giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Bùi Thị Ngọc Y và bị cáo Nguyễn Đức K phải chịu.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 202/2025/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Ngọc Y và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức K; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 202/2025/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

1. Áp dụng: Điểm a, b khoản 4 Điều 353; điểm b khoản 4 Điều 359, điểm a khoản 3 Điều 324; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 39, 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm 22 Điều 1 Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Ngọc Y: Tù chung thân về tội “Tham ô tài sản”; 12 (mười hai) năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”; 10 (mười) năm tù về tội “Rửa tiền”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc Y phải chấp hành hình phạt chung là: Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ: Ngày 15 tháng 12 năm 2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo Bùi Thị Ngọc Y 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 360; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức K: 07 (bảy) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Đức K 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Thị Ngọc Y và bị cáo Nguyễn Đức K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 202/2025/HS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam 01 Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo bị tạm giam;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, VP, NTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường